

Bản án số: 53/2026/HS-ST
Ngày 28-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vương Thị Hồng Thanh
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Kim Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần: Phân trại tạm giam L- thuộc Trại tạm giam B- Công an Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 375/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1990 tại thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 91/5 D, khu phố F, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1954; bị cáo có 02 anh ruột, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1987; bị cáo có chồng là Nguyễn Đình C, sinh năm: 1987 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Dương Hoàng T1, sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: D, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Dương Hoàng T2, sinh năm 1966 và bà Hồ Thị H1, sinh năm 1975; có 01 em ruột sinh

năm 2000; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2025 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số D N, khu phố E, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Lê Tấn P, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Hoàng H2, sinh năm 1976; có 01 em ruột sinh năm 2009; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: tại bản án hình sự số 200/2022/HS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử bị cáo 05 tháng 13 ngày tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28/6/2022, chưa đóng án phí; tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/6/2021, Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố H) Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” số tiền 1.500.000 đồng, nộp phạt ngày 02/10/2021; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2025 đến nay, có mặt.

4. Thái Bình K, sinh năm 2000 tại thành phố Cần Thơ; thường trú: số A, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ); nơi ở hiện nay: đường B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: Lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Thái Văn P1, sinh năm 1976 và bà Trần Thị M, sinh năm 1972; có 02 chị em ruột, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 2006; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2025 đến nay; có mặt.

5. Phạm Văn Đ, sinh năm 1993 tại tỉnh An Giang; thường trú: tổ F, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; giới tính: nam; con ông Phạm Văn M1 (đã chết) và bà Bành Thị N, sinh năm 1968; có 05 anh chị, em ruột, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2001; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2025 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1978; địa chỉ: 1 khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bà Đinh Thị Ngọc H3, địa chỉ: A Hoàng Đạo T, khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Ông Trần Trịnh T4, địa chỉ: tổ D, Khu A, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Mỹ B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc T, Dương Hoàng T1, Thái Bình K, Nguyễn Tấn T3 và Phạm Văn Đ là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội. T, T1, K, T3 và Đ là người sử dụng trái phép chất ma túy.

Sáng ngày 26/4/2025, T1, K, T3 và Đ đến quán C1, tổ A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) để uống nước. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T đề xuất góp tiền để mua ma túy sử dụng thì T3, T1 và K nói không còn tiền. T nói “để chị ứng trước 200.000 đồng, mỗi đứa nợ chị 50.000 đồng”. K nói lại với T “để em đi làm vài ngày em trả”, T1 nói “mấy hôm em có em trả” còn T3 nói “ngày 30 có lương em trả”. Sau khi thỏa thuận xong, T điện thoại cho một thanh niên có số điện thoại 0767923759 hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá. Điện thoại xong, T nói T1 đi mua ma túy nhưng T1 không đi mà T1 nói T3 đi mua ma túy, T3 nói không biết đường thì T1 tiếp tục nói Đ đi mua ma túy cùng với T3. T lấy 200.000 đồng đưa cho T3 và đưa số điện thoại của người bán ma túy số 0767923759, T3 cầm tiền và số điện thoại rồi điều khiển xe mô tô biển số 14K7- 4164 chở Đ đến ngã ba Co.op X phường L (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, T3 đưa cho Đ 200.000 đồng và số điện thoại của người bán. Đ cầm tiền và lấy số điện thoại gọi gặp một người thanh niên hỏi mua 200.000 đồng ma túy, người bán hẹn Đ đến trước cổng Bệnh viện Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mua được ma túy, Đ cất giấu vào người rồi T3 điều khiển xe mô tô chở Đ quay về quán C1. Tại quán C1, Đ lấy gói ma túy mua được đưa cho T, T cầm gói ma túy và nói T3 đi sang chòi đối diện lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đưa cho T. T lấy gói ma túy đổ vào trong nỏ thủy tinh, T3 bật lửa lên đốt lần lượt cho T, T1, K, Đ và T3 sử dụng. Sử dụng được một lúc T đi ra ngoài, T1, K, T3 và Đ đang chờ T vào sử dụng tiếp thì lực lượng Công an phường Đ kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang gồm T1, K, T3 và Đ, riêng Nguyễn Thị Ngọc T trốn thoát.

Vật chứng thu giữ: 01 bộ sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 nỏ thủy tinh bên trong có dính chất màu vàng; 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 lọ nhựa màu trắng; 01 bật lửa ga màu vàng; 01 xe mô tô biển số 14K7 - 4164, số khung: LWGXCHL00141833; số máy LC150FMG01817864; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 72017 màu vàng gắn sim số 0325173038.

Tại bản Kết luận giám định số 1921/KL-KTHS(MT) ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Phòng K1 Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H), kết luận tinh thể màu vàng thu giữ là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0904 gam.

Tại bản Kết luận giám định số 4562/KL-KTHS ngày 19/6/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận xe mô tô lắp ráp, không nhãn hiệu gắn biển số 14K7-4164, sau giám định số khung, số máy nguyên thủy, không phát hiện cắt hàn, đục sửa.

Đối với đối tượng bán ma túy có số điện thoại 0767923759 qua điều tra xác minh người đăng ký thuê bao là Cao Hải Phương D, sinh năm 1992, nơi đăng ký thường trú: số C đường A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh). Qua xác minh, Cao Hải Phương D không thực tế sinh sống tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, tiếp tục điều tra xác minh khi nào có căn cứ đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu N1 là chủ quán cà phê 39 không biết Nguyễn Thị Ngọc T và đồng phạm tổ chức sử dụng ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Tại Cáo trạng số 145/CT - VKS –KV16 ngày 29 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Dương Hoàng T1, Thái Bình K, Phạm Văn Đ và Nguyễn Tấn T3 về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Hoàng T1 từ 07 năm đến 08 năm tù, xử phạt bị cáo Thái Bình K từ 07 năm đến 08 năm tù, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 07 năm đến 08 năm tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T3 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bì thư được niêm phong của Phòng K1 Công an tỉnh B (nay là Công an thành phố H) ghi số 1921/PC09 là ma túy có khối lượng sau giám định 0,0193 gam, sim số 0325173038 và 01 ống hút nhựa màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng và 01 bật lửa ga màu vàng.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 14K7 - 4164, số khung: LWGXCHL00141833, số máy: LC150FMG01817864 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 72017 màu vàng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận, đối đáp với đại diện Viện kiểm sát. Trong phần lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, các bị

cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: khoảng 15 giờ 50 phút ngày 26/4/2025, Nguyễn Thị Ngọc T, Dương Hoàng T1, Thái Bình K và Nguyễn Tấn T3 cùng hùn tiền 200.000 đồng để mua ma túy; Phạm Văn Đ cùng đi mua ma túy đem về sử dụng chung tại quán C1, tổ A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Do vậy, Cáo trạng số 145/CT - VKS – KV16 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm vào sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây tác hại cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[5] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự phân công vai trò cụ thể trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên không coi là tội phạm có tổ chức. Cụ thể, bị cáo T là người đề xuất, là người cho các bị khác vay tiền mua ma túy. T3, T1, K cùng hùn tiền mua ma túy. Nguyễn Tấn T3 và Phạm Văn Đ là người trực tiếp đi mua ma túy.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, T1, K, Đ không có.

[6.1] Tại bản án hình sự số 200/2022/HS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử bị cáo Nguyễn Tấn T3 05 tháng 13 ngày tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28/6/2022. Tại văn bản số 217/THADS(16) ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận được bản án số 200/2022/HS-ST ngày 28/6/2022 của của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, bản án số 200/2022/HS-ST ngày 28/6/2022 của của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh) đã có hiệu lực pháp luật buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố

tụng Hình sự bị cáo phải trả theo quy định. Vì vậy, đóng án phí là nghĩa vụ của bị cáo. Bị cáo chưa đóng án phí nên chưa được xóa án tích, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T là phụ nữ có thai đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân:

[8.1] Bị cáo Nguyễn Tấn T3 có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản; vào ngày 11/6/2021, Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố H) Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt ngày 02/10/2021.

[8.2] Các bị cáo T, T1, K, Đ là người sử dụng ma túy, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo T đang nuôi 03 con nhỏ.

[9] Về hình phạt:

[9.1] Hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[9.2] Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định hình phạt chính là hình phạt tù nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[10] Xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với 01 bì thư được niêm phong của Phòng K1 Công an tỉnh B (nay là Công an thành phố H) ghi số 1921/PC09 ma túy có khối lượng sau giám định 0,0193 gam; sim số 0325173038 và 01 ống hút nhựa màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng và 01 bật lửa ga màu vàng cần tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Đối với 01 xe mô tô biển số 14K7 - 4164, số khung: LWGXCHL00141833; số máy: LC150FMG01817864 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Căn cứ vào phiếu trả lời xác minh xe mô tô biển số 52N4-8473 số máy LC150FMG18817864 số khung LWGXCHL00141833 do bà Đinh Thị Ngọc H3 đứng tên. Bà H3 xác định đã bán xe mô tô trên giá 4.500.000 đồng vào năm 2007 bằng giấy tay, không xác định được bán cho ai và không còn quyền lợi gì. Căn cứ vào phiếu trả lời xác minh thể hiện xe mô tô biển số 14K7-4164, số khung WCH0J4UM001264, số máy 1P52FMHR001264 do ông Trần Trịnh T4 đứng tên. Căn cứ vào lời khai của ông T4 xác định ông đã bán xe mô tô trên vào năm 2019 bằng giấy tay, không xác định được người mua, ông không còn quyền lợi gì liên quan đến chiếc xe trên. Bị cáo Nguyễn Tấn T3 xác định xe mô tô trên bị cáo mua năm 2005, không có giấy tờ gì, không xác định được người bán xe cho bị

cáo. Cơ quan cảnh sát điều tra đã đăng báo cho chủ sở hữu xe theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước xe mô tô trên. Xét 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 72017 màu vàng là tài sản của Phạm Văn Đ sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với bà Nguyễn Thị Thu N1 là chủ quán cà phê 39 không biết Nguyễn Thị Ngọc T và đồng phạm tổ chức sử dụng ma túy nên không có căn cứ xử lý.

[12] Đối với người bán ma túy có số điện thoại 0767923759 qua điều tra xác minh người đăng ký chủ thuê bao là Cao Hải Phương D, sinh năm 1992, nơi đăng ký thường trú: số C đường A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh). Qua xác minh, Cao Hải Phương D không thực tế sinh sống tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tiếp tục điều tra xác minh khi nào có căn cứ đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật.

[13] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, xử lý vật chứng đối với các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[14] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Dương Hoàng T1, Thái Bình K, Phạm Văn Đ và Nguyễn Tấn T3 phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Hoàng T1 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2025.

Xử phạt bị cáo Thái Bình K 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2025.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2025.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T3 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2025.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy trong nỗ thủy tinh còn lại sau giám định loại Methamphetamine được niêm phong trong một bì thư có đóng dấu niêm phong của phòng K1 Công an tỉnh B, có ghi số 1921/PC09 theo Kết luận giám định số 1921/KL-KTHS(MT) ngày 30/4/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh B; 01 (một) ống hút nhựa màu trắng, 01 lọ nhựa màu trắng, 01 hộp quẹt màu vàng, sim số 0325173038.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô xe mô tô biển số 14K7 - 4164, số khung: LWGXCHL00141833; số máy: LC150FMG01817864, theo Kết luận giám định số 4562/KL-KTHS ngày 16/9/2025 của Phòng K1 Công an thành phố H. Tình trạng xe đã qua sử dụng rỉ sét, không có mặt nạ trước, không có gương chiếu hậu, không có ốp nhựa hông hai bên, dè đuôi xe bị bể.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A72017 màu vàng.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Dương Hoàng T1, Thái Bình K, Phạm Văn Đ và Nguyễn Tấn T3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND kv 16 - Tp. Hồ Chí Minh (01);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01);
- Chi cục THADS Tp. Hồ Chí Minh(01);
- Phân trại tạm Lái Thiêu(01);
- Trại tạm giam Bồ Lá (01);
- Phòng PV 06 CA Tp. Hồ Chí Minh(01);
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh(01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (02);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền